

Ngày	12,450 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.0%	4.6%	-12.3%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,900 - 15,950
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,843
Số lượng CPLH (CP)	148,003,208
KLGD BQ 20 phiên (CP)	58,085
Sở hữu nước ngoài	5.6%
Beta	0.85
EPS	288
P/E	43.2

DT thuần

Q1/24

110

tỷ VNĐ

QoQ: ▼446| -80.3%

YoY: ▲ 16.6| 17.4%

LN trước thuế

Q1/24

11.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼27.5| -70.2%

YoY: ▲ 4.67| 66.2%

LN sau thuế

Q1/24

5.26

tỷ VNĐ

QoQ: ▼16.0| -75.3%

YoY: ▼0.30| -5.4%

ROA

2023

0.6%

+/- YoY: ▼ 1.0%

DT thuần

2023

1,310

tỷ VNĐ

YoY: ▼144| -9.9%

LN trước thuế

2023

78.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼30.0| -27.5%

LN sau thuế

2023

42.8

tỷ VNĐ

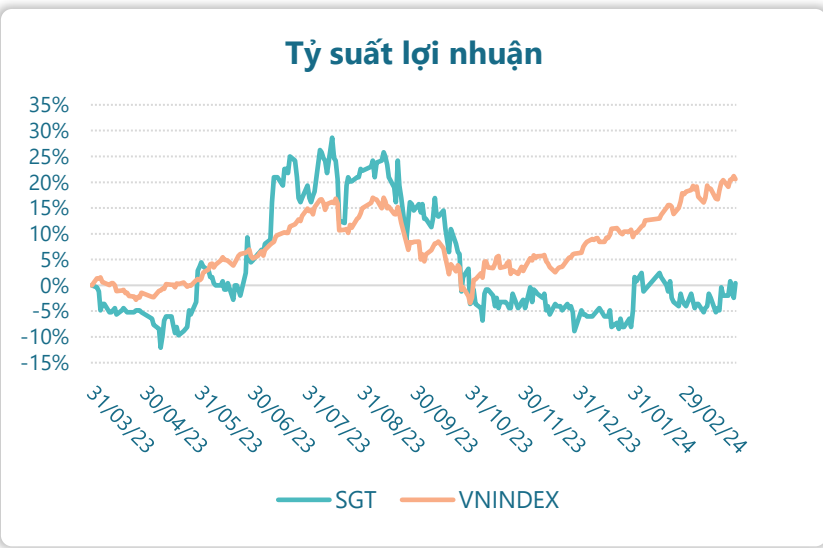
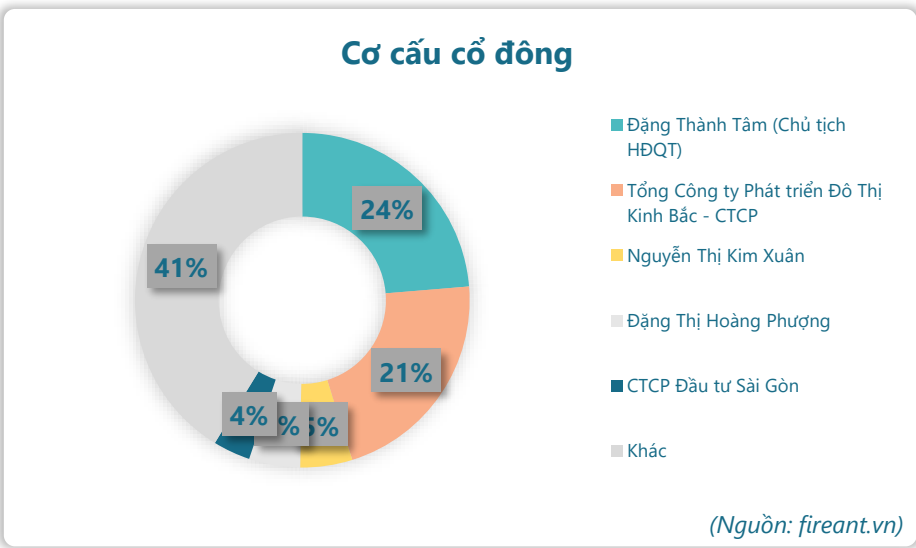
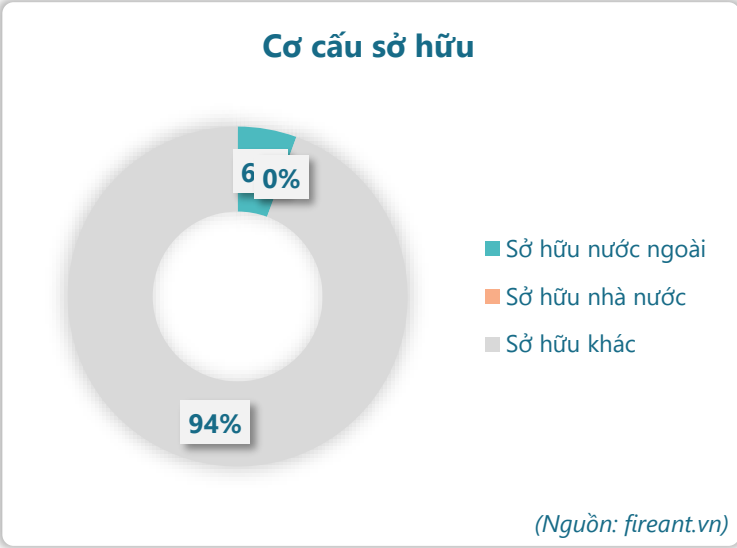
YoY: ▼34.3| -44.5%

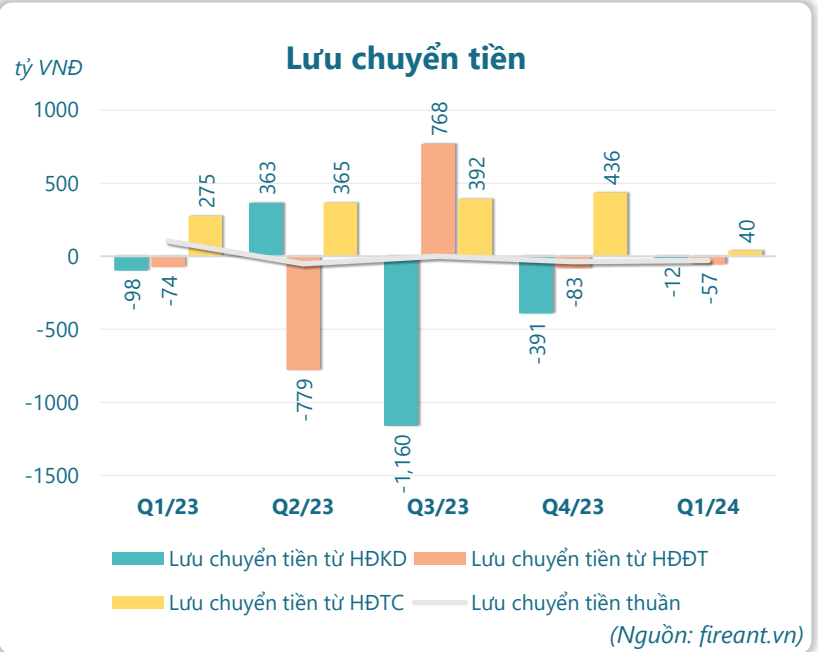
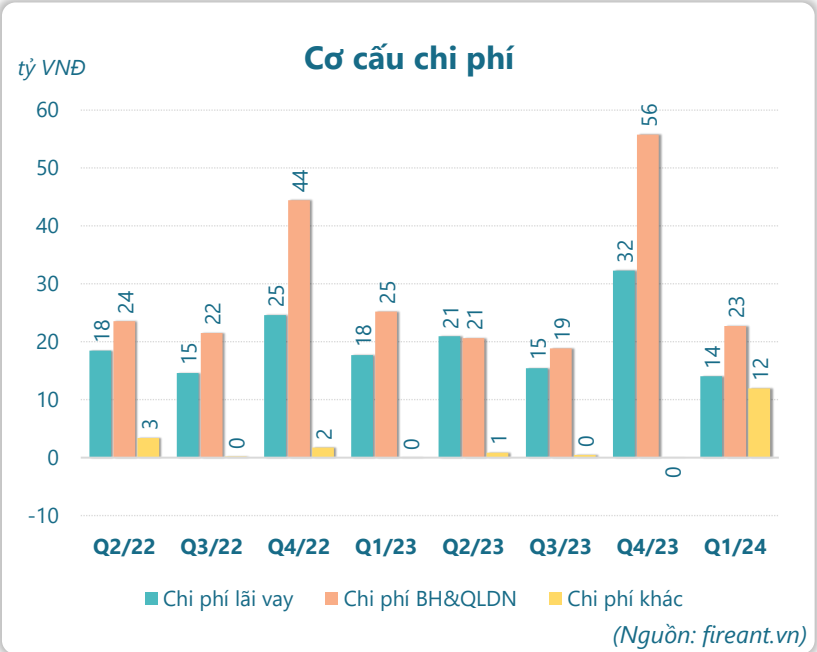
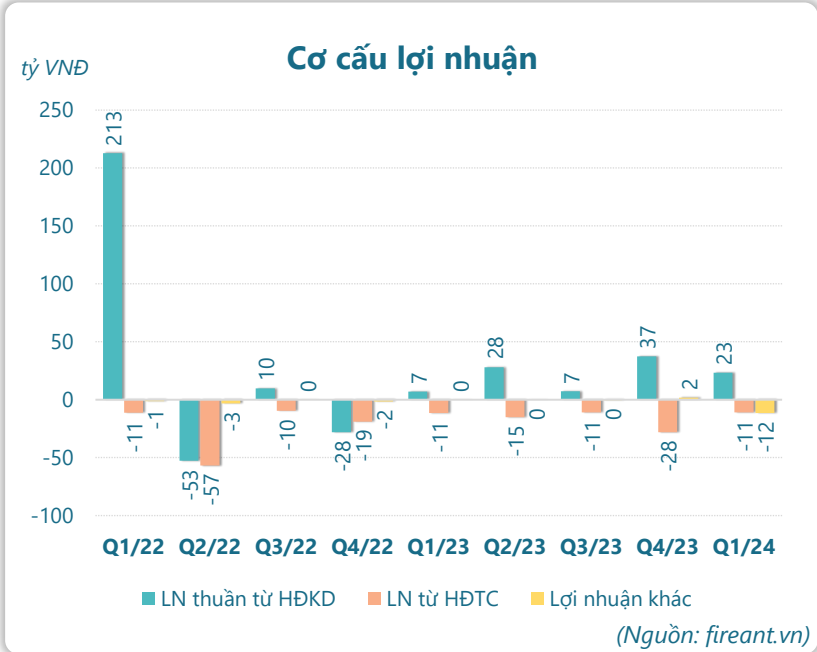
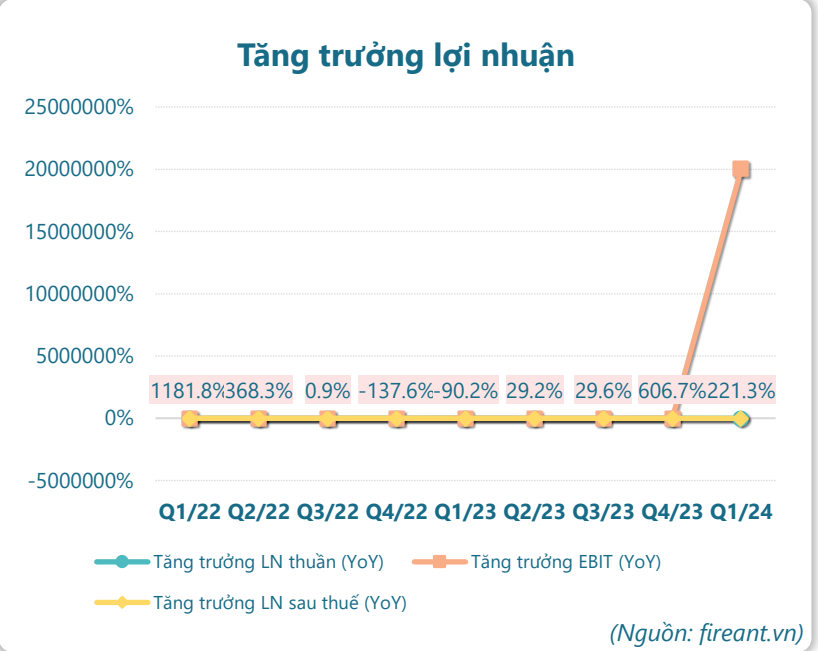
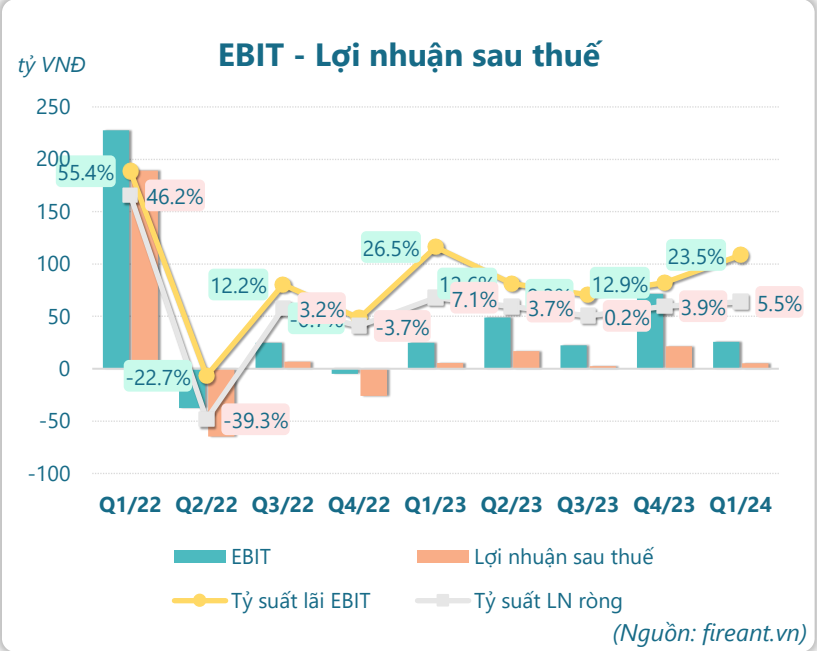
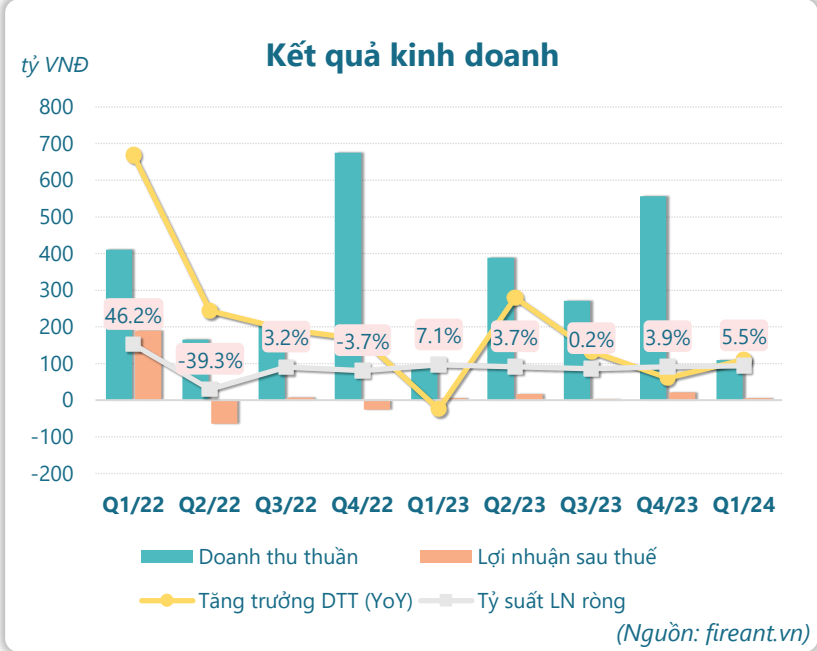
ROE

2023

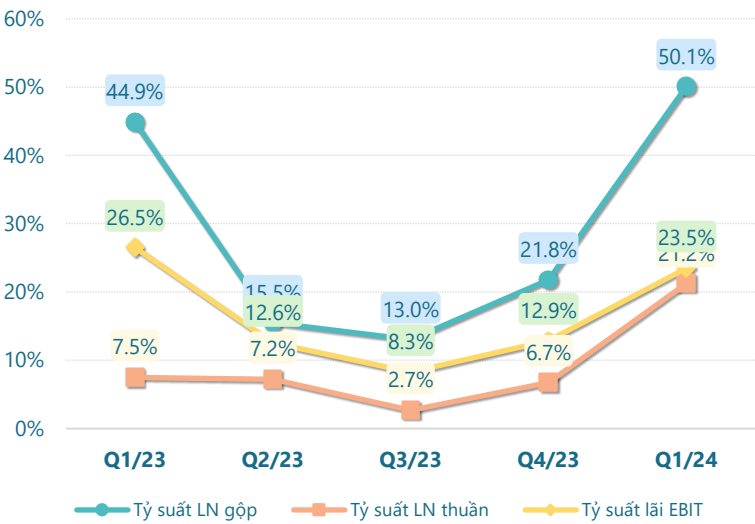
2.1%

+/- YoY: ▼ 3.3%



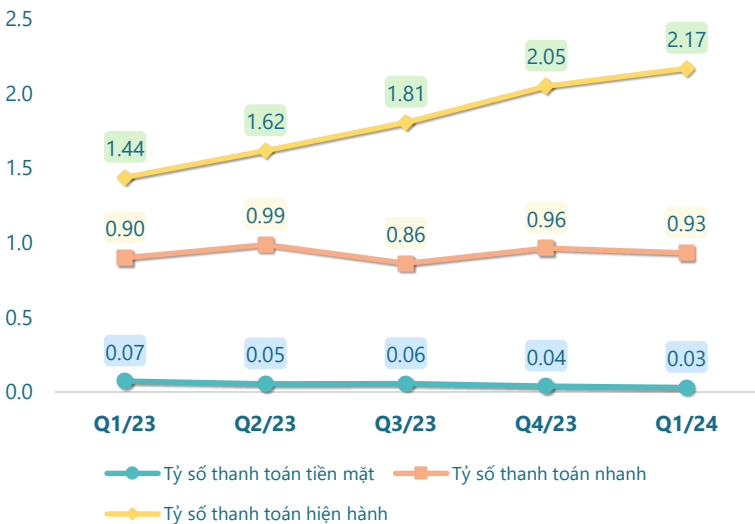


Tỷ suất lợi nhuận



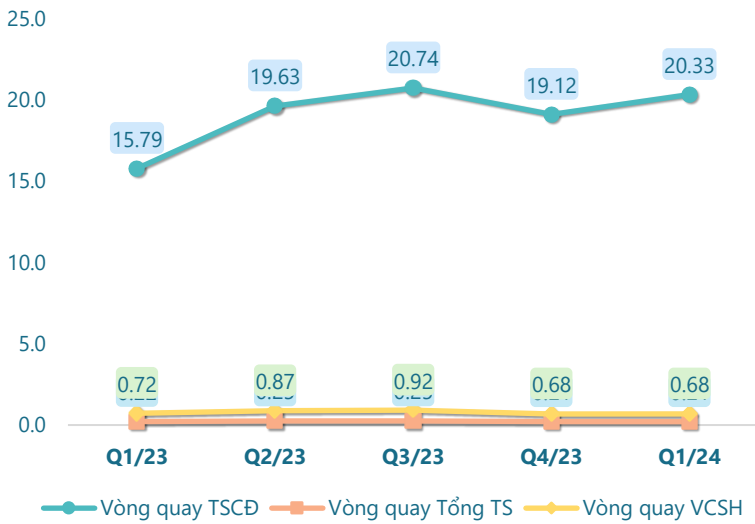
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



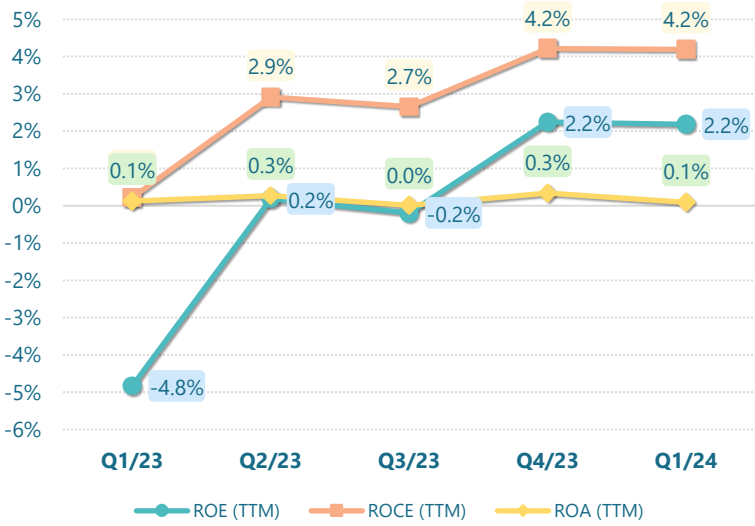
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



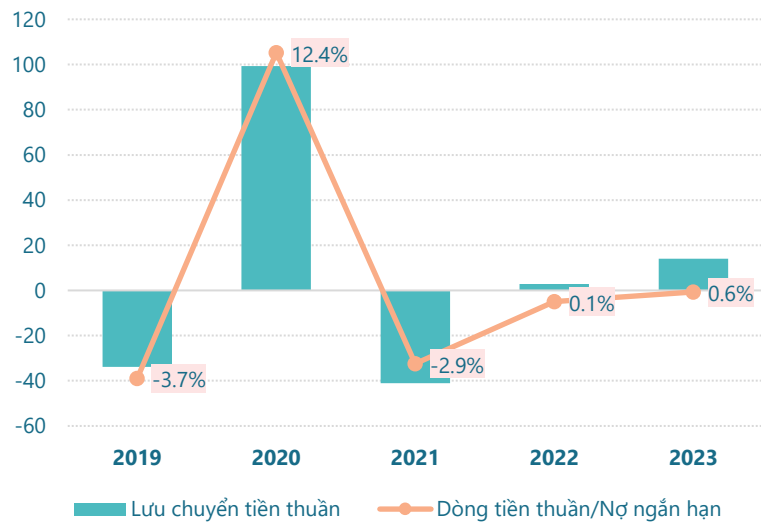
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



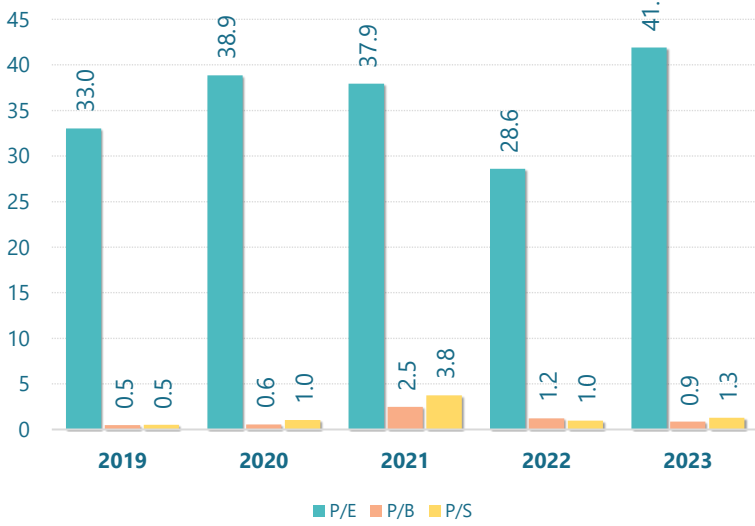
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)